TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 – 2025
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2025/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 575/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096199001349, ngày cấp 19/11/2022.

Nơi ĐKHK: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Khả N, sinh ngày 30/9/2016. Hiện con đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.725.000 đồng/tháng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/12/2025: Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ quan điểm khởi kiện và yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Hữu T cư trú tại ấp G, xã C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 178/2018 ngày 24/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P (nay là UBND xã C), tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà H nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân không hoà thuận, không hạnh phúc, thường xuyên cự cải. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Ông T không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H. Từ đó cho thấy, ông T không mong muốn hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn của bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân

và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Khả N, sinh ngày 30/9/2016. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.725.000 đồng/tháng. Ông T không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà H và ông T không còn chung sống với nhau thì con chung do bà H nuôi dưỡng và hiện nay con chung vẫn phát triển bình thường. Tại bản tự khai ngày 07/11/2025 con chung Nguyễn Khả N có nguyện vọng sống cùng với bà H. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Ông T không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.725.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Trường hợp ông T chậm thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Khả N, sinh ngày 30/9/2016 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.725.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Hữu T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Nguyễn Thị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005132 ngày 24 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu quỹ Nhà nước.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau;
(Giấy CNKH số 178 ngày 24/12/2018)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như